|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: 300/GDĐT-BDGD  Về việc hướng dẫn thực hiện Bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư  19/2019/TT-BGDĐT. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Quận 12, ngày 31 tháng 3 năm 2020* |

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường MN, MG, TH, THCS và ĐVTT.

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông;

Thực hiện Kế hoạch số 823/KH-GDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc năm học 2019-2020,

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT cho cán bộ quản lí, giáo viên các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc (từ học kỳ 2 năm học 2019-2020) với các nội dung như sau:

# I. Về nội dung chương trình bồi dưỡng

# 1. Đối với cán bộ quản lý các trường mầm non, mẫu giáo

- Nội dung chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học bậc học mầm non áp dụng trong cả nước (gọi là Chương trình bồi dưỡng 01): Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung bồi dưỡng về chủ trương, chính sách, phát triển giáo dục mầm non; chương trình giáo dục mầm non, các hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục mầm non; kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục mầm non.

- Nội dung chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục mầm non theo từng thời kỳ của mỗi địa phương (gọi là Chương trình bồi dưỡng 02): Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung bồi dưỡng về phát triển giáo dục mầm non của địa phương, thực hiện chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục địa phương; phối hợp với các dự án để triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên (nếu có).

# - Nội dung chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường theo yêu cầu vị trí việc làm (gọi là Chương trình bồi dưỡng 03): Cán bộ quản lý các trường mầm non, mẫu giáo tự chọn các mô đun bồi dưỡng nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường. Số lượng mô đun tự chọn đảm bảo quy định về thời lượng bồi dưỡng (đính kèm phụ lục 1 các mô đun bồi dưỡng).

**2. Đối với giáo viên các trường mầm non, mẫu giáo**

- Nội dung chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ năm học giáo dục mầm non áp dụng trong cả nước (gọi là Chương trình bồi dưỡng 01): Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung bồi dưỡng về chủ trương, chính sách, phát triển giáo dục mầm non; chương trình giáo dục mầm non, các hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục mầm non.

- Nội dung chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục mầm non theo từng thời kỳ của mỗi địa phương (gọi là Chương trình bồi dưỡng 02): Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung bồi dưỡng về phát triển giáo dục mầm non của địa phương, thực hiện chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục địa phương; phối hợp với các dự án để triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên (nếu có).

# - Nội dung chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (gọi là Chương trình bồi dưỡng 03): Giáo viên các trường mầm non, mẫu giáo tự chọn các mô đun bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành. Số lượng mô đun tự chọn đảm bảo quy định về thời lượng bồi dưỡng (đính kèm phụ lục 2 các mô đun bồi dưỡng).

# 3. Đối với cán bộ quản lý các trường tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc

Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý các trường tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc thuộc hình thức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hàng năm, bao gồm:

- Chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học đối với các cấp học của giáo dục phổ thông (gọi là Chương trình bồi dưỡng 01): Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung về đường lối, chính sách phát triển giáo dục phổ thông; chương trình giáo dục phổ thông, nội dung các môn học, hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục phổ thông; kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục phổ thông.

- Chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục phổ thông theo từng thời kỳ của địa phương (gọi là Chương trình bồi dưỡng 02): Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung bồi dưỡng về phát triển giáo dục phổ thông của địa phương, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục địa phương; phối hợp với các dự án để triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên (nếu có).

# - Chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường theo yêu cầu vị trí việc làm (gọi là Chương trình bồi dưỡng 03): Cán bộ quản lý các trường tiểu học, trung học cơ sở, đơn vị trực thuộc tự chọn các mô đun bồi dưỡng nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường theo yêu cầu vị trí việc làm. Số lượng mô đun tự chọn đảm bảo quy định về thời lượng bồi dưỡng (đính kèm phụ lục 3 các mô đun bồi dưỡng).

**4. Đối với giáo viên các trường tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc**

Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các trường tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc thuộc hình thức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hàng năm, bao gồm:

- Chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học đối với các cấp học của giáo dục phổ thông (gọi là Chương trình bồi dưỡng 01): Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung bồi dưỡng về đường lối, chính sách phát triển giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục phổ thông, nội dung các môn học, hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục phổ thông.

- Chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục phổ thông theo từng thời kỳ của mỗi địa phương (gọi là Chương trình bồi dưỡng 02): Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể theo từng năm học các nội dung bồi dưỡng về phát triển giáo dục phổ thông của địa phương, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục địa phương; phối hợp với các dự án để triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên (nếu có).

# - Chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm (gọi là Chương trình bồi dưỡng 03): Giáo viên các trường tiểu học, trung học cơ sở, đơn vị trực thuộc tự chọn các mô đun bồi dưỡng nhằm phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Số lượng mô đun tự chọn đảm bảo quy định về thời lượng bồi dưỡng (đính kèm phụ lục 4 các mô đun bồi dưỡng).

**II. Về thời lượng bồi dưỡng**

1. Mỗi cán bộ quản lý, giáo viên các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc thực hiện Chương trình bồi dưỡng thường xuyên đảm bảo thời lượng 120 tiết/năm học, cụ thể như sau:

- Chương trình bồi dưỡng 01: Khoảng 1 tuần/năm học (khoảng 40 tiết/năm học);

- Chương trình bồi dưỡng 02: Khoảng 1 tuần/năm học (khoảng 40 tiết/năm học);

- Chương trình bồi dưỡng 03: 1 tuần/năm học (40 tiết/năm học).

2. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, kế hoạch giáo dục của địa phương trong từng năm học, các cấp quản lý giáo dục có thể thay đổi thời lượng chương trình bồi dưỡng 01 và chương trình bồi dưỡng 02 phù hợp nhưng không thay đổi thời lượng Chương trình bồi dưỡng thường xuyên bắt buộc trong năm học của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc (đảm bảo thời lượng 120 tiết/năm học).

Trên đây là hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện Bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT. Đề nghị các trường hiệu trưởng các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện hiệu quả./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Sở GD và ĐT TP.HCM (Phòng TCCB);  - BCĐ công tác BDTX quận;  - Lưu: VT, BDGD. | **TRƯỞNG PHÒNG**  **(đã ký)**  **Khưu Mạnh Hùng** |

**PHỤ LỤC 1**

**Các mô đun bồi dưỡng**

**dành cho cán bộ quản lý các trường mầm non, mẫu giáo**

**(Theo Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019**

**của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Mã mô đun** | **Tên và nội dung chính**  **của mô đun** | **Yêu cầu cần đạt đối với người học** |
|
| **I. Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nghề nghiệp** | QLMN   1 | **Rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp của người CBQL trong cơ sở GDMN**  1. Vai trò của phẩm chất nghề nghiệp của người CBQL cơ sở GDMN đối với công tác quản trị cơ sở GDMN.  2. Những yêu cầu về phẩm chất nghề nghiệp của người CBQL cơ sở GDMN trong thời đại mới.  3. Những giải pháp rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp cho CBQL cơ sở GDMN đáp ứng yêu cầu của đổi mới GDMN. | - Phân tích được những yêu cầu cơ bản về phẩm chất nghề nghiệp của người CBQL đối với công tác quản trị cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào tự đánh giá mức độ đáp ứng của bản thân đối với các yêu cầu về phẩm chất nghề nghiệp của người CBQL cơ sở GDMN hiện nay  - Xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong việc rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp cho bản thân. |
|  | QLMN  2 | **Tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN**  1. Đạo đức nghề nghiệp của GVMN.  2. Vai trò của CBQL cơ sở GDMN trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho GVMN.  3. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết phải tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho GVMNđáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN.  - Vận dụng được các kiến thức được trang bị vào tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho GVMN trong cơ sở GDMN.  - Xây dựng được kế hoạch tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho GVMN trong cơ sở GDMN |
|  | QLMN  3 | **Quản lý cảm xúc bản thân của người CBQL trong cơ sở GDMN**  1. Những vấn đề chung về quản lý cảm xúc bản thân của người CBQL trong cơ sở GDMN.  2. Kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân của người CBQL trong cơ sở GDMN.  3. Rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân của người CBQL trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết quản lý cảm xúc bản thân của người CBQL trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng được kiến thức trang bị để xác định các hạn chế trong quản lý cảm xúc của bản thân và của các CBQL trong cơ sở GDMN.  - Xây dựng được kế hoạch tự rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc của bản thân và hỗ trợ CBQL trong việc rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc trong quản trị cơ sở GDMN. |
| **II. Tiêu chuẩn**  **2. Quản trị nhà trường** | QLMN  4 | **Tư tưởng đổi mới đối với người CBQL cơ sở GDMN.**  1. Những tư tưởng đổi mới trong quan điểm chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục đào tạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.  2. Tầm quan trọng của tư tưởng đổi mới trong quản trị cơ sở GDMN.  3. Bồi dưỡng và trau dồi tư tưởng đổi mới đối với người CBQL cơ sở GDMN.  4. Cách thức giải quyết một số tình huống quản trị cơ sở GDMN. | - Phân tích được tư tưởng đổi mới trong GDMN qua các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.  - Vận dụng được các kiến thức trang bị vào việc đánh giá được mức độ vận dụng tư tưởng đổi mới của người CBQL trong cơ sở GDMN hiện nay.  - Áp dụng tư tưởng đổi mới trong giải quyết một số tình huống quản lý cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN vận dụng được các tư tưởng đổi mới trong quản trị cơ sở GDMN. |
|  | QLMN   5 | **GDMN trong bối cảnh đổi mới**  1. Các xu hướng đổi mới trong GDMN hiện nay.  2. Vai trò, trách nhiệm của người CBQL trong bối cảnh đổi mới.  3. Khó khăn, thuận lợi và định hướng phát triển nghề nghiệp của người CBQL trong bối cảnh đổi mới hiện nay. | - Phân tích được các xu hướng đổi mới trong GDMN hiện nay, vai trò, trách nhiệm của người CBQL cơ GDMN trong bối cảnh đổi mới.  - Vận dụng được các kiến thức trang bị trong phát triển nghề nghiệp của người CBQL cơ sở GDMN trong bối cảnh đổi mới. Ứng dụng triển khai các phương pháp quản lý giáo dục theo xu thế phát triển thời đại;  - Xây dựng được định hướng phát triển nghề nghiệp của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh đổi mới giáo dục. |
|  | QLMN  6 | **Phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người CBQL cơ sở GDMN**  1. Tổng quan về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người CBQL trong cơ sở GDMN.  2. Các năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết của người CBQL cơ sở GDMN trong xu thế đổi mới.  3. Các biện pháp nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người CBQL cơ sở GDMN. | - Phân tích được những yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người CBQL trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị so sánh các mức độ yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong bối cảnh đổi mới với các thời điểm giáo dục trước đó.  - Xác định được các biện pháp nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bản thân và hỗ trợ CBQL trong cơ sở GDMN về phát triển chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em. |
|  | QLMN  7 | **Xây dựng chiến lược phát triển của cơ sở GDMN**  1. Ý nghĩa của việc xây dựng chiến lược phát triển của cơ sở GDMN.  2. Cách thức xây dựng chiến lược phát triển của cơ sở GDMN.  3. Các phương pháp dự báo trong quản trị nhà trường.  4. Xây dựng bản chiến lược phát triển dựa trên các phương pháp dự báo. | - Phân tích được sự cần thiết của chiến lược phát triển của cơ sở GDMN trong giai đoạn hiện nay.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị đề xuất được bản phân tích vận dụng các phương pháp dự báo trong quản trị nhà trường đáp ứng đổi mới GDMN.  - Xây dựng được một bản chiến lược phát triển nhà trường và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về tổ chức, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường. |
|  | QLMN  8 | **Tổ chức sinh hoạt chuyên môn hiệu quả ở cơ sở GDMN**  1. Vai trò của sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN.  2. Các hình thức sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN.  3. Các bước xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp và hình thức sinh hoạt chuyên môn hiệu quả ở cơ sở GDMN.   4. Thực hành xây dựng kế hoạch và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo các mô hình và nội dung phù hợp. | - Phân tích được lý luận cơ bản về sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN: vai trò, các hình thức sinh hoạt chuyên môn, sự cần thiết phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn hiệu quả ở cơ sở GDMN  - Vận dụng các kiến thức được trang bị trong đánh giá thực trạng sinh hoạt chuyên môn. Từ đó chỉ ra được các hình thức sinh hoạt chuyên môn có hiệu quả ở cơ sở GDMN.   - Xây dựng được kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn hiệu quả ở cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn hiệu quả. |
|  | QLMN   9 | **Quản trị sự thay đổi trong phát triển cơ sở GDMN tiến tới tự chủ**  1. Những vấn đề liên quan đến sự thay đổi trong phát triển của cơ sở GDMN tiến tới tự chủ.  2. Mối quan hệ giữa sự thay đổi và quá trình phát triển của cơ sở GDMN.  3. Biện pháp quản trị sự thay đổi trong phát triển cơ sở GDMN tiến tới tự chủ.  4. Những tình huống trong quá trình quản trị sự thay đổi của cơ sở GDMN và cách giải quyết. | - Phân tích được mối quan hệ giữa sự thay đổi và quá trình phát triển của cơ sở GDMN tiến tới tự chủ.  - Vận dụng được kiến thức trang bị để đề xuất các biện pháp quản trị sự thay đổi trong phát triển cơ sở GDMN tiến tới tự chủ.  - Xây dựng được kế hoạch quản trị sự thay đổi trong phát triển cơ sở GDMN tiến tới tự chủ trong cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong việc quản trị sự thay đổi trong phát triển cơ sở GDMN hướng tới tự chủ. |
|  | QLMN  10 | **Quản lý và giải quyết các xung đột trong cơ sở GDMN và với cha mẹ trẻ mầm non**  1. Một số vấn đề lý luận về quản lý xung đột trong cơ sở GDMN và xung đột với cha mẹ trẻ.  2. Những ảnh hưởng của xung đột ở cơ sở GDMN đến chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ và bầu không khí trong cơ sở GDMN.  3. Kỹ năng của người CBQL trong quản lý xung đột và giải quyết xung đột ở cơ sở GDMN. Quản lý các đơn thư, khiếu nại, tố cáo.  4. Các giải pháp rèn luyện kỹ năng giải quyết xung đột và ra quyết định trong quá trình quản lý cơ sở GDMN. | - Phân tích được những ảnh hưởng của xung đột ở cơ sở GDMN đến chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ và bầu không khí trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị đề xuất được cách thức giải quyết hiệu quả các xung đột trong cơ sở GDMN và với cha mẹ trẻ mầm non.  - Xây dựng được bản kế hoạch chi tiết về giải quyết các xung đột trong quá trình quản lý cơ sở GDMNvà hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về việc giải quyết xung đột trong cơ sở GDMN và với cha mẹ trẻ. |
|  | QLMN  11 | **Chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong cơ sở GDMN**  1. Chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng trẻ trong các cơ sở GDMN: nhu cầu dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần thực đơn, Chế biến và tổ chức bữa ăn cho trẻ, khai thác điều kiện tại địa phương vào hoạt động nuôi dưỡng ở cơ sở GDMN.  2. Chỉ đạo hoạt động chăm sóc sức khỏe: Đặc điểm phát triển của trẻ em và những vấn đề đặt ra đối với hoạt động chăm sóc; Tổ chức chế độ sinh hoạt, thực hiện khám sức khỏe và giám sát sự phát triển; Tổ chức vệ sinh môi trường.  3. Phối hợp giữa các lực lượng trong chỉ đạo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em. | - Phân tích được sự cần thiết, những yêu cầu trong chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong các cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị trong đánh giá thực trạng thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong cơ sở GDMN. Từ đó đưa ra các biện pháp chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong cơ sở GDMN đạt hiệu quả.  - Hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe của trẻ em. |
|  | QLMN  12 | **Kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở GDMN**  1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở GDMN.  2. Đặc điểm, mục đích của kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở GDMN.  3. Thực tế công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở GDMN ở Việt Nam và kinh nghiệm đảm bảo chất lượng giáo dục của một số nước trên thế giới.  4. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN. | - Phân tích những yêu cầu mới đối với việc kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị chỉ ra được thực trạng của kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở GDMN hiện nay từ đó chỉ ra cách thức quản lý phù hợp với cơ sở GDMN.  - Lập bản kế hoạch kiểm tra, đánh giá các hoạt chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong việc kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ. |
|  | QLMN  13 | **Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục của cơ sở GDMN**  1. Ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục của cơ sở GDMN.  2. Cách thức xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục của cơ sở GDMN.  3. Các phương pháp dự báo trong quản trị nhà trường.  4. Xây dựng bản kế hoạch chiến lược dựa trên các phương pháp dự báo nhà trường. | - Phân tích được ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục của cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị đề xuất được cách thức vận dụng các phương pháp dự báo phát triển giáo dục vào việc phát triển giáo dục ở cơ sở GDMN đáp ứng đổi mới GDMN.  - Xây dựng được một bản kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục. |
|  | QLMN  14 | **Phát triển Chương trình giáo dục (CTGD) của cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa**  1. Khái niệm CTGD, phát triển CTGD của cơ sở GDMN.  2. Tiếp cận quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và đa văn hóa trong phát triển CTGD của cơ sở GDMN.  3. Quy trình và phương pháp phát triển CTGD của cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và đa văn hóa. | - Phân tích được quy trình và phương pháp phát triển CTGD của cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và đa văn hóa.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để đánh giá được thực trạng phát triển CTGD của cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và đa văn hóa. Từ đó đề xuất được các biện pháp phát triển CTGD của cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và đa văn hóa.  - Hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong việc xây dựng kế hoạch phát triển CTGD theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và đa văn hóa. |
|  | QLMN  15 | **Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng**  1. Khái niệm: Cộng đồng, giáo dục dựa vào cộng đồng, GDMN dựa vào cộng đồng.  2. Ý nghĩa của giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng.  3. Đặc điểm, nguyên tắc quản lý hoạt giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng.  4. Quy trình và cách thức quản lý hoạt động giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng. | - Phân tích được cơ sở lý luận cơ bản về giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng, sự cần thiết của tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng.  - Vận dụng được quan điểm giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng trong quản lý hoạt động giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN.  - Xây dựng được bản kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ em theo hướng dựa vào cộng đồng. |
|  | QLMN  16 | **Chỉ đạo hoạt động giáo dục trẻ em trong các nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi**  1. Khái niệm nhóm, lớp ghép.  2. Quy định hiện hành liên quan đến hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi.  3. Đặc điểm nhóm, lớp ghép.  4. Yêu cầu, nguyên tắc quản lý hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong các nhóm, em lớp ghép nhiều độ tuổi.  5. Quản lý hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong các nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi. | - Phân tích được một số lý luận cơ bản về giáo dục trẻ ở lớp ghép nhiều độ tuổi.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị trong chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong các nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi.  - Lập được bản kế hoạch, chỉ đạo hoạt động giáo dục trẻ trong các nhóm ghép nhiều độ tuổi và hỗ trợ CBQL trong cơ sở GDMN về quản lý hoạt động giáo dục trẻ em ở nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi. |
|  | QLMN  17 | **Tổ chức công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN**  1. Cách phát hiện sớm trẻ khuyết tật, đánh giá trẻ khuyết tật.  2. Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN.  3. Tổ chức thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN.  4. Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN. | -    Phân tích được cách phát hiện sớm trẻ khuyết tật, các công cụ đánh giá trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN.  -    Vận dụng các kiến thức được trang bị trong tổ chức công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong cơ sở GDMN. Từ đó đề xuất và áp dụng cách xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong trong cơ sở GDMN.  -    Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật và hỗ trợ CBQL trong cơ sở GDMN trong công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. |
|  | QLMN  18 | **Tổ chức đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em lứa tuổi mầm non**  1. Lý thuyết khoa học về sự phát triển của trẻ em.  2. Lý luận về đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em: Đánh giá; Đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em; Các công cụ đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em.  3. Phương pháp phổ biến trong đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em.  4. Phương pháp hiện đại trong đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em.  5. Kiểm tra công tác đánh giá sự phát triển trẻ em và tổng kết thực tiễn đánh giá sự phát triển của trẻ em ở Việt Nam theo yêu cầu hội nhập quốc tế và đổi mới giáo dục. | - Phân tích được cơ sở khoa học đánh giá sự phát triển của trẻ em. Từ đó chỉ ra những hạn chế trong tổ chức đánh giá sự phát triển của trẻ em trong các cơ sở GDMN hiện nay.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị để đề xuất các giải pháp vận dụng các phương pháp hiện đại trong đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em theo yêu cầu hội nhập quốc tế và đổi mới giáo dục.  - Hỗ trợ CBQL trong cơ sở GDMN tổ chức đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ em theo xu hướng đổi mới hiện nay. |
|  | QLMN  19 | **GDMN theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm**  1. Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong quản trị cơ sở GDMN.  2. Vận dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong quản trị cơ sở GDMN.  - Tổ chức xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ em làm trung tâm.  - Chỉ đạo thực hiện chương trình GDMN theo quan điểm lấy trẻ em làm trung tâm.  - Tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ em làm trung tâm.  - Đánh giá hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ em làm trung tâm. | - Phân tích được cơ sở khoa học của quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong quản trị cơ sở GDMN.  - Vận dụng được quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong việc đề xuất các biện pháp điều chỉnh thực tiễn tổ chức môi trường giáo dục, thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Xây dựng được bản kế hoạch xây dựng môi trường, tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm và hỗ trợ CBQL trong cơ sở GDMN quản trị các hoạt động giáo dục theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm. |
|  | QLMN  20 | **Quản trị nhân sự trong cơ sở GDMN**  1. Tổng quan về công tác quản trị nhân sự ở cơ sở GDMN.  2. Nội dung cơ bản của công tác quản trị nhân sự, những vấn đề liên quan đến quản trị nhân sự trong quá trình đổi mới GDMN.  3. Các biện pháp quản trị nhân sự ở cơ sở GDMN khi thực hiện Chương trình GDMN. | - Phân tích được vai trò quan trọng của công tác quản trị nhân sự, các quan điểm, định hướng phát triển và quản trị nhân sự trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị để xây dựng được phương án về bố trí nhân sự cho nhà trường. Đề xuất và vận dụng các biện pháp phát triển nhân sự ở cơ sở GDMN.  - Hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về quản trị nhân sự cơ sở GDMN. |
|  | QLMN  21 | **Phát triển đội ngũ GVMN theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN**  1. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GVMN theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN.  2. Biện pháp thu hút các nguồn lực trong và ngoài trường trong công tác đánh giá GVMN theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN.  3. Đổi mới công tác đánh giá GVMN theo chuẩn nghề nghiệp GVMN. | - Phân tích được sự cần thiết phát triển đội ngũ GVMN theo chuẩn nghề nghiệp GVMN;  - Vận dụng kiến thức được trang bị để đánh giá được thực trạng phát triển đội ngũ GVMN theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN. Từ đó, đề xuất được một bản kế hoạch và các biện pháp để thu hút nguồn lực trong quản lý và đổi mới công tác đánh giá giáo viên, nhân viên theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN.  - Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GVMN theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN. |
|  | QLMN  22 | **Đổi mới công tác tổ chức hành chính trong cơ sở GDMN**  1. Tổng quan về quản trị tổ chức hành chính trong cơ sở GDMN.  2. Các mô hình tổ chức hành chính trong nhà trường, vai trò của hiệu trưởng và các thành viên trong hội đồng trường.  3. Các nguyên tắc trong quản trị tổ chức hành chính trong cơ sở GDMN.  4. Cách thức xây dựng kế hoạch trong tổ chức bộ máy hành chính ở cơ sở GDMN. | - Phân tích được các vấn đề về quản trị tổ chức hành chính, các nội dung chỉ đạo tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các thành viên, các khó khăn, vướng mắc trong quản trị tổ chức hành chính trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để đề xuất được các mô hình tổ chức hành chính trong nhà trường.  - Xây dựng được bản kế hoạch áp dụng các nguyên tắc quản lý hành chính để điều chỉnh nội dung hoạt động liên quan đến quản trị cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về quản trị tổ chức hành chính của nhà trường. |
|  | QLMN  23 | **Quản trị tài chính trong trong cơ sở GDMN.**  **theo tinh thần tự chủ và trách nhiệm giải trình**  1. Các phạm trù cơ bản về tài chính và những vấn đề chung về quản trị tài chính trong cơ sở GDMN.  2. Những nội dung chủ yếu về tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình của người cán bộ quản lý trong cơ sở GDMN.  3. Hướng dẫn thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ cơ sở GDMN.  4. Các biện pháp quản trị tài chính trong cơ sở GDMN theo tinh thần tự chủ và trách nhiệm giải trình. | - Phân tích được sự cần thiết của quản trị tài chính trong trường mầm non theo tinh thần tự chủ và trách nhiệm giải trình.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị xây dựng được hướng dẫn thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ sở GDMN.  - Xây dựng được kế hoạch và xác định được các biện pháp quản trị tài chính trong cơ sở GDMN theo tinh thần tự chủ và trách nhiệm giải trình và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về quản trị tài chính nhà trường. |
|  | QLMN  24 | **Quản trị cơ sở vật chất, trang thiết bị trong trường mầm non đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục**  1. Những yêu cầu chung về công tác quản trị cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục.  2. Biện pháp quản trị cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục.  3. Quản trị cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN. | - Phân tích được những hiểu biết cơ bản về cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục, những vấn đề về thiết bị giáo dục phục vụ cho Chương trình GDMN.  - Vận dụng các kiến thức trang bị đánh giá được những ưu điểm, hạn chế trong quản trị cơ sở vật chất, trang thiết bị trong trường mầm non hiện nay từ đó đưa ra những yêu cầu liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục khi áp dụng Chương trình GDMN.  - Lập được bản kế hoạch vận dụng các phương pháp quản trị cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục nhằm huy động các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học trong nhà trường. |
|  | QLMN  25 | **Kiểm định chất lượng giáo dục trong cơ sở GDMN**  1. Khái niệm kiểm định chất lượng giáo dục.  2. Đặc điểm, mục đích, yêu cầu của kiểm định chất lượng GDMN trong giai đoạn hiện nay.  3. Thực tế công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở Việt Nam và kinh nghiệm đảm bảo chất lượng giáo dục của một số nước trên thế giới.  4. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN. | - Phân tích được cơ sở khoa học về kiểm định chất lượng giáo dục trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức trang bị trong việc đánh giá được thực trạng và chỉ ra được những yêu cầu mới đối với việc kiểm định chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN hiện nay, từ đó nêu được cách thức quản trị phù hợp với cơ sở GDMN.  - Lập bản kế hoạch đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục trong cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về quản trị đảm bảo chất lượng giáo dục trong nhà trường. |
| **III. Tiêu chuẩn**  **3. Xây dựng môi trường nhà trường** | QLMN  26 | **Quản trị môi trường văn hóa ở cơ sở GDMN**  1. Văn hóa và khái niệm môi trường văn hóa và quản lý môi trường văn hóa trong cơ sở GDMN.  2. Các nguyên tắc trong việc quản trị xây dựng môi trường văn hóa trong cơ sở GDMN.  3. Lập kế hoạch, đề ra các giải pháp quản trị xây dựng môi trường văn hóa trong cơ sở GDMN. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN.  4. Kiểm tra đánh giá công tác xây dựng môi trường văn hóa trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết quản trị môi trường văn hóa trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để đề xuất các giải pháp xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường.  - Lập bản kế hoạch xây dựng môi trường văn hóa; xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong xây dựng môi trường văn hóa nhà trường và bộ quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN. |
|  | QLMN  27 | **Chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong cơ sở GDMN**  1. Tìm hiểu những nội dung của quy chế dân chủ cơ sở đã ban hành.  2. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở GDMN.  3. Kiểm tra đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết phải chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong cơ sở GDMN  - Vận dụng kiến thức đã được trang bị vào đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong cơ sở GDMN từ đó xây dựng được quy chế dân chủ ở cơ sở GDMN.  - Lập bản kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. |
|  | QLMN  28 | **Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, hợp tác trong cơ sở GDMN**  1. Khái quát về tập thể sư phạm đoàn kết, hợp tác trong cơ sở GDMN.  2. Những yêu cầu về tinh thần đoàn kết, hợp tác trong tập thể sư phạm ở cơ sở GDMN.  3. Cách thức xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác trong tập thể sư phạm ở cơ sở GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết phải xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, hợp tác trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức trang bị để đánh giá được thực trạng xây dựng và thực hiện tập thể sư phạm đoàn kết, hợp tác ở cơ sở GDMN. Từ đó đề xuất được cách thức xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, hợp tác trong cơ sở GDMN.  - Xây dựng được bản kế hoạch xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác trong tập thể sư phạm ở cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, hợp tác trong nhà trường. |
|  | QLMN  29 | **Quản trị việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN**  1. Những vấn đề lý luận và pháp lý về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em trong cơ sở GDMN.  + Một số khái niệm cơ bản.  + Các quy định hiện hành liên quan đến việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ trong cơ sở GDMN.  2. Vai trò của môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em trong cơ sở GDMN.  3. Các thành tố của môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em trong cơ sở GDMN.  4. Nguyên tắc và quy trình quản lý xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em trong cơ sở GDMN.  5. Các giải pháp quản trị việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức trang bị chỉ ra những hạn chế trong việc xây dựng môi trường giáo dục trẻ an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em. Từ đó, đề xuất được các giải pháp quản trị xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN.  - Xây dựng được bản kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ trong cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường. |
|  | QLMN  30 | **Quyền trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ trong cơ sở GDMN**  1. Những vấn đề cơ bản về quyền trẻ em.  2. Các quyền trẻ em trong công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em và trong Luật trẻ em ở Việt Nam.  3. Quản lý bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN: Cách thức xử lý vi phạm đối với người vi phạm bạo hành trẻ em; cách thức chỉ đạo bảo vệ trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở GDMN; Cách thức giáo dục kỷ  luật tích cực. | - Phân tích được sự cần thiết của quyền trẻ em và phòng chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức trang bị để đánh giá được thực trạng xử lý vi phạm bạo hành trẻ em và áp dụng các biện pháp hữu hiệu trong chỉ đạo bảo vệ trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở GDMN.  - Xây dựng được kế hoạch phòng chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về phòng chống bạo hành trẻ em trong nhà trường. |
| **IV. Tiêu chuẩn**  **4. Phát triển quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | QLMN  31 | **Phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng, các tổ chức xã hội để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và phòng, chống bạo hành trẻ em mầm non.**  1. Những vấn đề lý luận về môi trường giáo dục an toàn, phòng chống bạo lực học đường cho trẻ: Khái niệm môi trường giáo dục an toàn, phòng chống bạo lực học đường tại các cơ sở GDMN; Vai trò của môi trường giáo dục an toàn, phòng chống bạo lực học đường cho trẻ trong các cơ sở GDMN.  2. Các lực lượng tại địa phương và vai trò của các lực lượng tại địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, phòng chống bạo lực học đường cho trẻ.  3. Các biện pháp phối hợp với các lực lượng tại địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, phòng chống bạo lực học đường cho trẻ. | - Phân tích được sự cần thiết phải phối hợp giữa gia đình với cộng đồng, các tổ chức xã hội để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và phòng, chống bạo hành trẻ em.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị để đánh giá những hạn chế hiện nay và từ đó đề xuất các biện pháp phối hợp với các lực lượng tại địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, phòng chống bạo lực học đường cho trẻ tại các cơ sở GDMN.  - Hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về phối hợp giữa nhà trường, gia đình, địa phương trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. |
|  | QLMN  32 | **Phát triển mối quan hệ tôn trọng, hợp tác với cha mẹ trẻ mầm non và cộng đồng địa phương**  1. Phát triển mối quan hệ với cha mẹ trẻ mầm non và cộng đồng địa phương.  2.Vai trò của cha mẹ và cộng đồng địa phương trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.  3. Các biện pháp phối hợp với cha mẹ trẻ mầm non và cộng đồng địa phương trong chăm sóc, giáo dục trẻ em. | - Phân tích được vai trò của cha mẹ, cộng đồng địa phương trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non và trẻ có nhu cầu đặc biệt.  - Vận dụng các kiến thức trang bị để chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong việc phát triển mối quan hệ với cha mẹ trẻ mầm non và cộng đồng địa phương. Từ đó, đề xuất các biện pháp phối hợp với cha mẹ trẻ mầm non và cộng đồng địa phương trong chăm sóc, giáo dục trẻ.  - Xây dựng được kế hoạch phát triển mối quan hệ tôn trọng, hợp tác với cha mẹ trẻ mầm non và cộng đồng địa phương và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về việc phát triển mối quan hệ tôn trọng, hợp tác với cha mẹ trẻ và cộng đồng địa phương. |
|  | QLMN  33 | **Huy động các lực lượng xã hội tham gia phát triển cơ sở GDMN**  1. Những vấn để liên quan đến việc huy động các lực lượng xã hội tham gia phát triển nhà trường.  2. Những giải pháp thực hiện huy động các lực lượng xã hội tham gia phát triển cơ sở GDMN.  3. Bản kế hoạch về việc huy động các lực lượng tham gia phát triển cơ sở GDMN (dự kiến, các công việc cần thực hiện, các đơn vị phối hợp, kiểm tra đánh giá).  4. Tổ chức thực hiện công tác huy động các lực lượng xã hội tham gia phát triển cơ sở GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết huy động các lực lượng xã hội đối với việc phát triển cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để đánh giá được những yếu tố khách quan và chủ quan, những tồn tại, khó khăn trong việc huy động các lực lượng xã hội tham gia phát triển cơ sở GDMN.  - Xây dựng được một số văn bản, đề xuất biện pháp huy động các lực lượng xã hội phát triển cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN trong huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường. |
| **V. Tiêu chuẩn**  **5. Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin** | QLMN  34 | **Tổ chức xây dựng môi trường phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên trong cơ sở GDMN**  1. Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ giáo viên, nhân viên trong cơ sở GDMN.  2. Cách thức xây dựng môi trường phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ cho cán bộ giáo viên, nhân viên trong cơ sở GDMN.  3. Những giải pháp nâng cao trình độ sử dụng ngoại ngữ cho cán bộ giáo viên, nhân viên trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của việc phát triển năng lực ngoại ngữ trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế đối với cán bộ giáo viên, nhân viên trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức đã được trang bị để đánh giá được thực trạng sử dụng ngoại ngữ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cơ sở GDMN. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng môi trường hiệu quả cho việc thực hành, sử dụng năng lực ngoại ngữ đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cơ sở GDMN.  - Xây dựng được bản kế hoạch xây dựng môi trường phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ và chia sẻ kinh nghiệm với CBQL cơ sở GDMN về sử dụng ngoại ngữ. |
|  | QLMN  35 | **Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ sở GDMN**  1. Vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở GDMN.  2. Những phần mềm và hệ điều hành cơ bản trong quá trình quản lý cơ sở GDMN.  3. Lập kế hoạch và tổ chức quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường hiệu quả.  4. Một số tình huống trong quá trình quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ sở GDMN và cách giải quyết.  5. Kiểm tra, đánh giá việc quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở cơ sở GDMN. | - Phân tích được vai trò và ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong trường mầm non; Xử lý và quản lý thuần thục các hệ điều hành, phần mềm cần thiết trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị đề xuất biện pháp quản lý hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường.  - Xây dựng kế hoạch quản lý và tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường hiệu quả và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường. |
|  | QLMN  36 | **Sử dụng hiệu quả các công cụ, phương tiện truyền thông trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN**  1. Các công cụ, phương tiện truyền thông trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN  2. Kỹ năng sử dụng hiệu quả các công cụ, phương tiện truyền thông trong công tác giáo dục trẻ em.  3. Các giải pháp sử dụng hiệu quả các công cụ, phương tiện truyền thông trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết của việc sử dụng hiệu quả các công cụ, phương tiện truyền thông trong chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để đánh giá thực trạng sử dụng các công cụ, phương tiện truyền thông trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ đó đề xuất biện pháp sử dụng hiệu quả các công cụ, phương tiện truyền thông trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.  - Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả công cụ, phương tiện truyền thông trong công tác giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN và chia sẻ với CBQL về sử dụng hiệu quả công cụ phương tiện truyền thông trong nhà trường. |

**PHỤ LỤC 2**

**Các mô đun bồi dưỡng**

**dành cho giáo viên các trường mầm non, mẫu giáo**

***(Theo Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT***

***ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Mã mô đun** | **Tên và nội dung chính**  **của mô đun** | **Yêu cầu cần đạt đối với**  **người học** | **Thời lượng (tiết)** | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| **Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo** | GVMN 1 | **Đạo đức nghề nghiệp của người GVMN**  1. Khái niệm: Đạo đức; Đạo đức nghề nghiệp; Đạo đức nghề nghiệp của GVMN.  2. Đặc thù lao động nghề nghiệp và yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp của GVMN.  3. Các quy định pháp luật về đạo đức nghề nghiệp của người GVMN.  4. Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ em của người GVMN. | - Phân tích được các yêu cầu và quy định về đạo đức nghề nghiệp của người GVMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào tự đánh giá mức độ đáp ứng của bản thân đối với các yêu cầu và quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử trong nhà trường.  - Xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng, tự rèn luyện nâng cao đạo đức nghề nghiệp. | **10** | **10** |
| GVMN 2 | **Quản lý cảm xúc bản thân của người GVMN trong hoạt động nghề nghiệp**  1. Cảm xúc bản thân của GVMN trong hoạt động nghề nghiệp.  2. Quản lý cảm xúc bản thân của GVMN trong hoạt động nghề nghiệp.  3. Kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân của GVMN trong hoạt động nghề nghiệp.  4. Rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân của GVMN trong hoạt động nghề nghiệp. | - Phân tích được sự cần thiết phải quản lý cảm xúc của GVMN trong hoạt động nghề nghiệp.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để xác định các hạn chế trong quản lý cảm xúc của bản thân và của đồng nghiệp khi thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em.  - Đề xuất được một số biện pháp để tự rèn luyện và hỗ trợ đồng nghiệp rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân trong hoạt động nghề nghiệp. | **10** | **10** |
| GVMN 3 | **Rèn luyện phong cách làm việc khoa học của người GVMN**  1. Khái niệm, cấu trúc, đặc điểm và yêu cầu về phong cách làm việc khoa học của người GVMN.  2. Đặc thù của lao động nghề nghiệp và sự cần thiết phải tạo dựng phong cách làm việc khoa học của người GVMN.  3. Rèn luyện phong cách làm việc khoa học của người GVMN. Kỹ năng làm việc với cấp trên, đồng nghiệp và cha mẹ trẻ | - Phân tích được sự cần thiết và đặc điểm và yêu cầu của tác phong, phương pháp làm việc khoa học của người GVMN, kỹ năng làm việc với cấp trên đồng nghiệp và cha mẹ trẻ.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị vào đánh giá mức độ đáp ứng của bản thân và đồng nghiệp đối với những yêu cầu về phong cách làm việc khoa học của người GVMN, kỹ năng làm việc với cấp trên đồng nghiệp và cha mẹ trẻ.  - Xác định được các biện pháp tự rèn luyện và hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện phong cách làm việc khoa học của người GVMN, kỹ năng làm việc với cấp trên đồng nghiệp và cha mẹ trẻ. | **10** | **10** |
| **Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn nghiệp vụ sư phạm** | GVMN 4 | **Sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN**  1. Mục đích, vai trò của sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN.  2. Nội dung, các hình thức và phương pháp sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN.  3. Hướng dẫn đổi mới và nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN. | - Phân tích được vai trò của sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN đối với việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GVMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá hiệu quả các hoạt động sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN.  - Đề xuất biện pháp đổi mới và nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn ở cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
| GVMN 5 | **Hoạt động tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của GVMN**  1. Ý nghĩa, vai trò của hoạt động tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ GVMN.  2. Yêu cầu, nội dung, phương pháp tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của người GVMN.  3. Hướng dẫn thực hiện các hoạt động tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của người GVMN đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp. | - Phân tích được sự cần thiết và yêu cầu, nội dung, phương pháp tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ GVMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để xác định các hạn chế trong hoạt động tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo Chuẩn nghề nghiệp.  - Xây dựng được kế hoạch và thực hiện tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp GVMN. | **10** | **10** |
| GVMN 6 | **Giáo dục mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm**  1. Cơ sở khoa học của quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong GDMN.  2. Hướng dẫn vận dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong xây dựng môi trường giáo dục.  3. Hướng dẫn vận dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong xây dựng kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em. | - Phân tích được cơ sở khoa học của quan điểm lấy trẻ em làm trung tâm trong GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá thực trạng theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm ở cơ sở GDMN.  - Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả vận dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm ở cơ sở GDMN. | **20** | **20** |
| GVMN 7 | **Phát triển Chương trình GDMN phù hợp với sự phát triển của trẻ em và bối cảnh địa phương**  1. Khái niệm Chương trình giáo dục, phát triển Chương trình giáo dục của cơ sở GDMN.  2. Sự cần thiết và yêu cầu đối với phát triển Chương trình giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ em và bối cảnh địa phương.  3. Hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục của cơ sở GDMN phù hợp với sự phát triển của trẻ em và bối cảnh địa phương. | - Phân tích được sự cần thiết và yêu cầu của phát triển Chương trình giáo dục ở các cơ sở GDMN trong bối cảnh hiện nay.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để phát triển Chương trình GDMN phù hợp với sự phát triển của trẻ em và bối cảnh địa phương.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong phát triển Chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN | **10** | **10** |
| GVMN 8 | **Lập kế hoạch giáo dục trẻ em trong nhóm, lớp trong các cơ sở GDMN**  1. Các loại kế hoạch giáo dục và yêu cầu đối với xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ em trong nhóm, lớp.  2. Hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục trẻ các độ tuổi: xác định mục tiêu, nội dung, thiết kế hoạt động giáo dục, chuẩn bị đồ dùng, phương tiện, xác định thời gian, không gian, thực hiện đánh giá và điều chỉnh kế hoạch. | - Phân tích được yêu cầu của các loại kế hoạch giáo dục  - Vận dụng kiến thức đã được trang bị vào lập được các loại kế hoạch giáo dục trẻ em trong nhóm, lớp đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ em và điều kiện thực tiễn.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong lập kế hoạch giáo dục | **10** | **10** |
| GVMN 9 | **Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong nhóm, lớp**  1. Đặc điểm phát triển của trẻ em và những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong nhóm, lớp.  2. Hướng dẫn tổ chức chế độ sinh hoạt trong nhóm, lớp.  3. Hướng dẫn theo dõi sức khỏe và giám sát sự phát triển của trẻ trong nhóm, lớp.  4. Hướng dẫn vệ sinh môi trường trong nhóm, lớp.  5. Hướng dẫn đánh giá tình trạng sức khỏe cho trẻ em trong nhóm, lớp. | - Phân tích được yêu cầu đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong nhóm, lớp.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong nhóm, lớp đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ em và điều kiện thực tiễn.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong tổ chức, thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong nhóm, lớp. | **10** | **10** |
|  | GVMN 10 | **Đảm bảo an toàn cho trẻ trong các cơ sở GGMN**  1. Các quy định về đảm bảo an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN.  2. Nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN và cách phòng tránh.  3. Quy trình xử lý khi xảy ra tình huống mất an toàn cho trẻ em (bao gồm cả các tình huống khẩn cấp).  4. Xử lí tình huống có liên quan. | - Phân tích được các yêu cầu, quy định về đảm bảo an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN  - Vận dụng các kiến thức được trang bị vào đánh giá mức độ đảm bảo an toàn cho trẻ em của cơ sở GDMN mình đang công tác xác định được hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.  - Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả phòng tránh và xử lí một số tình huống mất an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 11 | **Kĩ năng sơ cứu - phòng tránh và xử lí một số tình huống nguy hiểm, bệnh thường gặp ở trẻ em**  1. Quy trình và cách thức xử lý một số tình huống nguy hiểm đối với trẻ em: choáng; vết thương hở; gãy xương; dị vật rơi vào mắt, tai, mũi; điện giật, bỏng, đuối nước.  2. Nhận biết, phòng tránh và xử lí một số bệnh thường gặp ở trẻ em.  - Nhận biết, phòng tránh và xử lí bệnh về dinh dưỡng ở trẻ em.  - Nhận biết, phòng tránh và xử lí bệnh ngoài da ở trẻ em.  - Nhận biết, phòng tránh và xử lí bệnh về hô hấp ở trẻ em.  - Nhận biết, phòng tránh và xử lí bệnh về tâm lí thần kinh ở trẻ em. | - Phân tích được các tình huống nguy hiểm, nhận diện được các biểu hiện về bệnh thường gặp ở trẻ em trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá mức độ thực hiện kĩ năng sơ cứu, xử lý một số tình huống nguy hiểm, bệnh thường gặp cho trẻ em trong cơ sở GDMN.  - Đề xuất được một số biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện sơ cứu và phòng tránh, xử lí được một số tình huống nguy hiểm, bệnh thường gặp ở trẻ em trong cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 12 | **Tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ em theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm**  1. Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ em, mục tiêu và kết quả mong đợi theo Chương trình GDMN.  2. Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển nhận thức cho trẻ em.  3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động phát triển nhận thức theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm. | - Phân tích được cơ sở lý luận của phát triển nhận thức cho trẻ em theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá thực trạng và phát hiện các hạn chế trong tổ chức hoạt động phát triển nhận thức theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động phát triển nhận thức theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 13 | **Tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ em theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm**  1. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ em, mục tiêu và kết quả mong đợi theo Chương trình GDMN.  2. Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển vận động cho trẻ em.  3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm. | - Phân tích được cơ sở lý luận của phát triển vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá thực trạng và phát hiện các hạn chế trong tổ chức hoạt động phát triển vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động phát triển vận động theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 14 | **Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ/tăng cường tiếng Việt cho trẻ em theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm**  1. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ em, mục tiêu và kết quả mong đợi theo Chương trình GDMN.  2. Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển ngôn ngữ.  3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  4. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong giáo dục hòa nhập theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm:  4.1 Tổ chức các hoạt động giúp trẻ em dân tộc thiểu số phát triển một số kỹ năng ban đầu về ngôn ngữ thông qua việc sử dụng các bộ công cụ hỗ trợ.  4.2 Tổ chức các hoạt động giúp trẻ khuyết tật học hòa nhập phát triển một số kỹ năng ban đầu về ngôn ngữ thông qua việc sử dụng các bộ công cụ hỗ trợ. | - Phân tích được cơ sở lý luận của giáo dục phát triển ngôn ngữ/tăng cường tiếng Việt theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá thực trạng và phát hiện các hạn chế trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ/tăng cường tiếng Việt theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ/tăng cường tiếng Việt theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN.  - Nâng cao kỹ năng cho giáo viên trong việc sử dụng các bộ công cụ hỗ trợ trong hoạt động giảng dạy hàng ngày lấy trẻ em làm trung tâm, đặc biệt với các nhóm trẻ học hòa nhập. | **20** | **20** |
|  | GVMN 15 | **Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ em theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm**  1. Đặc điểm phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội của trẻ em, mục tiêu và kết quả mong đợi theo Chương trình GDMN.  2. Quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ em.  3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm. | - Phân tích được cơ sở lý luận của phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá thực trạng và phát hiện các hạn chế trong tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 16 | **Tổ chức các hoạt động phát triển thẩm mỹ cho trẻ em theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm**  1. Đặc điểm phát triển thẩm mỹ của trẻ em, mục tiêu và kết quả mong đợi theo Chương trình GDMN.  2. Quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm trong phát triển thẩm mỹ cho trẻ em.  3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động phát triển thẩm mỹ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm. | - Phân tích được cơ sở lý luận của giáo dục phát triển thẩm mỹ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá thực trạng và phát hiện các hạn chế trong tổ chức hoạt động phát triển thẩm mỹ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm.  - Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động phát triển thẩm mỹ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 17 | **Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ em lứa tuổi mầm non**  1. Tầm quan trọng của việc giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ em.  2. Lý luận về giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ em.  3. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong cơ sở GDMN. | - Phân tích cơ sở lý luận của việc giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ em.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong nhóm, lớp.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong thực hiện hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường tại cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 18 | **Tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi tại cơ sở GDMN**  1. Bối cảnh của việc tổ chức nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi.  2. Cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý của việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi.  3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi. | - Phân tích được căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận của việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhóm lớp ghép nhiều độ tuổi.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị vào tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trong nhóm, lớp ghép nhiều độ tuổi.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhóm, lớp ghép độ tuổi. | **10** | **10** |
|  | GVMN 19 | **Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em lứa tuổi mầm non**  1. Vai trò của giáo dục kỹ năng sống đối với sự phát triển nhân cách của trẻ em.  2. Căn cứ lý luận của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em.  3. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em theo chế độ sinh hoạt. | - Phân tích được cơ sở lý luận của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị vào tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em ở cơ sở GDMN.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em. | **10** | **10** |
|  | GVMN 20 | **Tổ chức quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non**  1. Sự cần thiết của việc quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ em.  2. Mục đích, nguyên tắc, kĩ thuật quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ em.  3. Hướng dẫn quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ em. | - Phân tích được cơ sở khoa học của đánh giá sự phát triển của trẻ em.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào tổ chức quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ em.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong thực hiện hoạt động quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ em tại nhóm, lớp. | **10** | **10** |
|  | GVMN 21 | **Phát hiện, sàng lọc và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục đáp ứng trẻ em có nhu cầu đặc biệt**  1. Phát hiện, sàng lọc và thực hiện các biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật về nghe, nhìn, nói, vận động, trí tuệ, tự kỷ.  2. Phát hiện, sàng lọc và thực hiện các biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ nhiễm HIV.  3. Phát hiện, sàng lọc và thực hiện các biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em phát triển sớm.  4. Thực hành biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em có nhu cầu đặc biệt khác. | - Phân tích được cách thức phát hiện, sàng lọc và yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục đáp ứng trẻ em có nhu cầu đặc biệt.  - Vận dụng kiến thức đã được trang bị vào phát hiện, sàng lọc trẻ em có nhu cầu đặc biệt tại nhóm, lớp mình phụ trách.  - Đề xuất được các biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em có nhu cầu đặc biệt trong nhóm, lớp. | **10** | **10** |
|  | GVMN 22 | **Làm đồ dùng dạy học, đồ chơi từ nguyên liệu địa phương**  1. Vị trí, vai trò của đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo từ nguyên liệu địa phương.  2. Yêu cầu sư phạm đối với đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo.  3. Hướng dẫn làm một số đồ dùng dạy học, đồ chơi từ nguyên vật liệu địa phương  4. Thực hành làm một số đồ dùng dạy học, đồ chơi tự tạo. | - Phân tích được những yêu cầu sư phạm của các đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên liệu địa phương.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào thiết kế, thực hiện một số đồ dùng đồ chơi từ nguyên liệu địa phương.  - Hỗ trợ đồng nghiệp làm một số đồ dùng, đồ chơi từ nguyên vật liệu địa phương tại cơ sở GDMN. | **05** | **15** |
|  | GVMN 23 | **Quản lí nhóm, lớp học ở cơ sở GDMN**  1. Khái quát chung về quản lý nhóm, lớp học ở cơ sở GDMN.  2. Nguyên tắc quản lý nhóm, lớp học ở cơ sở GDMN.  3. Nội dung quản lý nhóm, lớp học (trẻ em; cơ sở vật chất, hồ sơ, sổ sách...).  4. Phương pháp quản lý nhóm, lớp ở cơ sở GDMN. | - Phân tích được cơ sở lý luận của quản lý nhóm, lớp ở cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào quản lý nhóm, lớp tại cơ sở GDMN.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong quản lý nhóm, lớp ở cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
| **Tiêu chuẩn 3 Xây dựng môi trường giáo dục** | GVMN 24 | **Xây dựng môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em lứa tuổi mầm non**  1. Một số vấn đề chung về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em.  2. Nguyên tắc, quy trình, phương pháp xây dựng môi trường vật chất và tâm lý xã hội trong nhóm, lớp đảm bảo an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em.  3. Thực hành xây dựng môi trường vật chất và tâm lý xã hội trong nhóm/ lớp đảm bảo an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em. | - Phân tích được cơ sở khoa học và pháp lý của việc xây dựng môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào tổ chức xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em trong nhóm, lớp.  - Hỗ trợ đồng nghiệp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ tại cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
| GVMN 25 | **Giáo dục kỷ luật tích cực cho trẻ em lứa tuổi mầm non**  1. Khái niệm, bản chất, đặc điểm của kỷ luật tích cực cho trẻ em.  2. Các nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực cho trẻ em.  3. Cơ sở pháp lý của giáo dục kỷ luật tích cực cho trẻ em.  4. Hướng dẫn thực hiện giáo dục kỷ luật tích cực cho trẻ em trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được cơ sở lý luận và pháp lý của giáo dục kỷ luật tích cực trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào thực hiện giáo dục kỷ luật tích cực cho trẻ em tại nhóm, lớp trong cơ sở GDMN.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong giáo dục kỷ luật tích cực cho trẻ em. | **20** | **20** |
| GVMN 26 | **Kĩ năng giao tiếp ứng xử của GVMN với trẻ.**  1. Lý luận về giao tiếp ứng xử của GVMN với trẻ: Một số khái niệm, các phương tiện và hình thức giao tiếp của GVMN với trẻ.  2. Giao tiếp ứng xử của GVMN với trẻ trong các hoạt động ở trường mầm non.  3. Cách thức điều chỉnh giao tiếp theo hướng tích cực hơn giữa GVMN với trẻ | - Phân tích được sự cần thiết trong giao tiếp ứng xử của GVMN với trẻ.  - Vận dụng các kiến thức được trang bị đưa ra cách thức giao tiếp theo hướng tích cực hơn giữa GVMN với trẻ.  - Xây dựng được một bản kế hoạch phát triển giao tiếp theo hướng tích cực giữa GVMN với trẻ trong các hoạt động ở trường mầm non | **10** | **10** |
| GVMN 27 | **Quyền dân chủ của người GVMN trong cơ sở GDMN**  1. Các vấn đề cơ bản về quyền dân chủ của người GV.  2. Các quyền dân chủ của người GVMN trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.  3. Người GVMN trong việc thực hiện quyền dân chủ của bản thân ở cơ sở GDMN.  4. Người GVMN với việc bảo vệ quyền dân chủ của đồng nghiệp ở cơ sở GDMN. | - Phân tích được các quyền dân chủ của GVMN trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào đánh giá việc thực hiện quyền dân chủ tại cơ sở GDMN, nơi công tác.  - Đề xuất biện pháp và hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao hiệu quả thực hiện quyền dân chủ trong cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
| **Tiêu chuẩn 4 .Phối hợp với gia đình và cộng đồng** | GVMN 28 | **Phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em**  1. Mục đích, ý nghĩa của phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em.  2. Hướng dẫn phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em. | - Phân tích được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em.  - Vận dụng kiến thức được trang bị trong tổ chức phối hợp giữa gia đình- nhà trường và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em.  - Đề xuất được một số biện pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em. | **10** | **10** |
| GVMN 29 | **Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non dựa vào cộng đồng**  1. Tầm quan trọng của GDMN dựa vào cộng đồng.  2. Lý luận về GDMN dựa vào cộng đồng.  3. Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trẻ em dựa vào cộng đồng. | - Phân tích được cơ sở lý luận của việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em dựa vào cộng đồng.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em dựa vào cộng đồng tại cơ sở GDMN; Cách huy động nguồn xã hội hóa từ cha mẹ trẻ để tổ chức các hoạt động cho trẻ em.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em dựa vào cộng đồng. | **10** | **10** |
|  | GVMN 30 | **Vấn đề lồng ghép giới trong GDMN**  1. Lý luận về lồng ghép giới trong GDMN.  2. Cơ sở pháp lý của lồng ghép giới trong GDMN.  3. Hướng dẫn lồng ghép giới trong thực hiện Chương trình GDMN. | - Phân tích được sự cần thiết của lồng ghép giới trong GDMN và các căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học của lồng ghép giới trong GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để xác định được các hạn chế trong lồng ghép giới vào thực hiện Chương trình GDMN tại nhóm, lớp.  - Đề xuất biện pháp điều chỉnh nhằm đảm bảo lồng ghép giới trong thực hiện Chương trình GDMN | **10** | **10** |
|  | GVMN 31 | **Quyền trẻ em, phòng, chống bạo hành và xử lý vi phạm về quyền trẻ em trong cơ sở GDMN**  1. Những vấn đề cơ bản về quyền trẻ em.  2. Các quyền trẻ em trong công ước LHQ về Quyền trẻ em và trong Luật trẻ em ở Việt Nam.  3. Bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN.  4. Cách thức bảo vệ trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở GDMN. | - Phân tích được các cơ sở khoa học và pháp lý về quyền trẻ em, phòng, chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để thực hiện quyền của trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN.  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong ngăn ngừa nguy cơ bạo hành trẻ em, vi phạm quyền trẻ em ở cơ sở GDMN. | **10** | **10** |
| **Tiêu chuẩn 5. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc và công nghệ thông tin; thể hiện khả năng nghệ thuật trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non** | GVMN 32 | **Tự học ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc cho GVMN**  1. Tầm quan trọng của việc sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc trong nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em hiện nay.  2. Yêu cầu về năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc trong Chuẩn nghề nghiệp GVMN.  3. Hướng dẫn tự đánh giá và xây dựng kế hoạch tự học hiệu quả về ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc cho GVMN. | - Phân tích được tầm quan trọng, vai trò của việc học và sử dụng ngoại ngữ/ sử dụng tiếng dân tộc trong nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ MN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào xây dựng kế hoạch tự học nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc phục vụ hoạt động nghề nghiệp.  - Hỗ trợ đồng nghiệp năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc phục vụ hoạt động nghề nghiệp. | **10** | **10** |
| GVMN 33 | **Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN**  1. Vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN.  2. Hướng dẫn sử dụng CNTT trong nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN.  3. Thực hành sử dụng 1 số phần mềm thông dụng trong nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN. | - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để ứng dụng CNTT vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em ở cơ sở GDMN.  - Hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong chăm sóc, giáo dục trẻ em. | **10** | **10** |
| GVMN 34 | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhóm, lớp ở cơ sở GDMN**  1. Ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong quản lý nhóm lớp.  2. Hướng dẫn sử dụng CNTT để quản lí nhóm, lớp.  3. Thực hành sử dụng 1 số phần mềm thông dụng trong nâng cao hiệu quả quản lý nhóm, lớp. | - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong quản lý nhóm/lớp MN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị để ứng dụng CNTT vào nâng cao hiệu quả quản lý nhóm/ lớp MN.  - Hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý nhóm, lớp MN. | **10** | **10** |
|  | GVMN 35 | **Xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN**  1. Vai trò, đặc điểm của môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN.  2. Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật cho trẻ em theo lứa tuổi. | - Phân tích được vai trò, đặc điểm của môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật trong nhóm, lớp tại cơ sở GDMN.  - Vận dụng kiến thức được trang bị vào tổ chức xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật tại cơ sở GDMN  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong xây dựng môi trường giáo dục giàu tính nghệ thuật trong cơ sở GDMN. | **10** | **10** |

**PHỤ LỤC 3**

**Các mô đun bồi dưỡng**

**dành cho cán bộ quản lý các trường tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc**

***(Theo Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019***

***của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu bồi dưỡng theo Chuẩn** | **Mã mô đun** | **Tên và nội dung chính của mô đun** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng (tiết)** | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| **1. Phẩm chất nghề nghiệp** | **QLPT 01** | **Nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong quản trị nhà trường hiện nay**  1. Phẩm chất nghề nghiệp; các quy định về đạo đức đối với cán bộ quản lý cơ sở GDPT.  2. Kế hoạch hành động và tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống trong nhà trường.  3. Phát hiện, ngăn ngừa các biểu hiện vi phạm đạo đức của giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường. | - Nêu được các nội dung của phẩm chất nghề nghiệp; phân tích được các quy định về đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh hiện nay gắn với thực tiễn thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản trị nhà trường;  - Xây dựng được kế hoạch hành động của bản thân về rèn luyện đạo đức; xây dựng được các quy định về đạo đức nghề nghiệp và tổ chức, thực hiện hiệu quả giáo dục đạo đức, lối sống trong nhà trường;  - Hỗ trợ đồng nghiệp về rèn luyện đạo đức và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường. | 8 | 12 |
| **QLPT 02** | **Đổi mới quản trị nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục**  1. Bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.  2. Những vấn đề chung về quản trị nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục.  3. Quản trị nhà trường hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục. | - Phân tích được những vấn đề chung và yêu cầu, nội dung cơ bản về quản trị nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục;  - Vận dụng được những yêu cầu, nội dung quản trị trong bối cảnh đổi mới giáo dục để quản trị nhà trường (hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, lan tỏa tư tưởng đổi mới đến mọi thành viên trong nhà trường);  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về quản trị nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục. | 8 | 12 |
| **QLPT 03** | **Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý cơ sở GDPT**  1. Tầm quan trọng của việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý cơ sở GDPT.  2. Yêu cầu, nội dung và phương thức phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý cơ sở GDPT.  3. Lựa chọn nội dung ưu tiên và xây dựng kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bản thân và cán bộ quản lý khác trong nhà trường. | - Xác định được các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ cần phát triển của bản thân;  - Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân. | 8 | 12 |
| **2. Quản trị nhà trường** | **QLPT 04** | **Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường**  1. Khái quát chung về kế hoạch phát triển nhà trường.  2. Nội dung, phương pháp và quy trình xây kế hoạch phát triển nhà trường.  3. Giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường. | - Phân tích được nội dung, phương pháp, quy trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường;  - Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển nhà trường gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường. | 16 | 24 |
| **QLPT 05** | **Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong nhà trường**  1. Những vấn đề chung về quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong nhà trường.  2. Công tác quản trị hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch dạy học và giáo dục theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh,...) trong nhà trường.  3. Phân công, hướng dẫn, giám sát, đánh giá giáo viên, tổ chuyên môn thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường. | - Xác định được các nội dung cơ bản về quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong nhà trường;  - Tổ chức xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch dạy học và giáo dục trong nhà trường (dạy học các môn học, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, hoạt động trải nghiệm (đối với cấp tiểu học)/ trải nghiệm, hướng nghiệp (đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông), giáo dục hòa nhập, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, giảm thiểu rủi ro và ứng phó các tình huống khẩn cấp...);  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong nhà trường. | 16 | 24 |
| **QLPT 06** | **Quản trị nhân sự trong nhà trường**  1. Những vấn đề chung về nhân sự trong nhà trường.  2. Công tác quản trị nhân sự trong nhà trường.  3. Tạo động lực làm việc, phát triển năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; quản lý, giải quyết bức xúc, vướng mắc, mâu thuẫn, xung đột trong nhà trường. | - Phân tích được các nội dung cơ bản về nhân sự và quản trị nhân sự trong nhà trường;  - Xây dựng được bộ công cụ quản lý nhân sự (nội quy, quy chế, phân công nhiệm vụ...); lập kế hoạch và triển khai hiệu quả việc tham mưu công tác tuyển dụng; thực hiện chế độ chính sách (sử dụng, đánh giá, sàng lọc, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật) đối với giáo viên, nhân viên nhà trường; tạo được động lực, cơ hội phát triển năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; kịp thời và giải quyết được các vấn đề bức xúc, vướng mắc và tình huống mâu thuẫn, xung đột trong nhà trường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về thực hiện quản trị nhân sự trong nhà trường. | 16 | 24 |
| **QLPT 07** | **Quản trị tổ chức, hành chính trong nhà trường**  1. Những vấn đề chung về tổ chức, hành chính trong nhà trường.  2. Công tác quản trị tổ chức, hành chính trong nhà trường.  3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đối với công tác quản trị tổ chức, hành chính trong nhà trường. | - Phân tích được đặc điểm tổ chức bộ máy, hoạt động hành chính (tham mưu/ban hành văn bản, hội họp, văn thư, lưu trữ,...); các quy định hiện hành về hoạt động văn thư, lưu trữ trong nhà trường; nội dung, quy trình tổ chức cuộc họp, sự kiện giáo dục; cơ chế phối hợp giữa các bộ phận trong nhà trường;  - Xây dựng được bộ công cụ quản lý tổ chức, hành chính (quy định, quy chế, quyết định,...) trong nhà trường; sắp xếp bộ máy đảm bảo phù hợp, tinh gọn; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động quản trị tổ chức, hành chính;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về thực hiện quản trị tổ chức, hành chính trong nhà trường. | 16 | 24 |
| **QLPT 08** | **Quản trị tài chính trong nhà trường**  1. Những vấn đề chung về quản trị tài chính trong nhà trường.  2. Quản trị tài chính nhà trường theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình.  3. Sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính và huy động các nguồn tài chính hợp pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. | - Phân tích được hoạt động quản trị tài chính trong nhà trường (quy chế chi tiêu nội bộ; lập dự toán ngân sách; quản lý thu, chi; báo cáo tài chính; kiểm tra tài chính; công khai tài chính...) và quản trị tài chính theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch quản trị tài chính nhà trường theo đúng quy định, hiệu quả; huy động tốt các nguồn lực phục vụ nâng cao kết quả dạy học, giáo dục học sinh;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về quản trị tài chính nhà trường theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình. | 16 | 24 |
| **QLPT 09** | **Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh của nhà trường**  1. Những vấn đề chung về quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh của nhà trường.  2. Nội dung, biện pháp quản trị hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh.  3. Huy động các nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. | - Phân tích được các quy định về quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Vận dụng được các biện pháp để xây dựng triển khai kế hoạch, huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh đúng quy định, hiệu quả;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh. | 16 | 24 |
| **QLPT 10** | **Quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường**  1. Những vấn đề chung về quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường.  2. Các hoạt động quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường.  3. Quản trị chất lượng giáo dục hướng tới phát triển chất lượng bền vững đối với nhà trường. | - Phân tích được các quy định hiện hành về quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường; các hoạt động quản trị chất lượng giáo dục gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Tổ chức xây dựng, vận hành hiệu quả hệ thống quản trị chất lượng giáo dục và đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng, phát triển chất lượng bền vững đối với nhà trường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường. | 16 | 24 |
| **3. Xây dựng môi trường giáo dục** | **QLPT 11** | **Xây dựng văn hóa nhà trường**  1. Khái quát chung về văn hóa nhà trường.  2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện trong nhà trường.  3. Kế hoạch hành động, truyền thông về văn hóa nhà trường. | - Phân tích được mục đích, nội dung, yêu cầu về xây dựng văn hóa nhà trường gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện (xây dựng hành động, thói quen, hành vi; môi trường cảm xúc, chia sẻ vai trò của mọi thành viên; hình thành và củng cố văn hóa nhà trường) và truyền thông, quảng bá hiệu quả hệ thống giá trị cốt lõi của nhà trường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng văn hóa nhà trường. | 8 | 12 |
| **QLPT 12** | **Thực hiện dân chủ cơ sở trong nhà trường**  1. Khái quát chung về thực hiện dân chủ trong nhà trường.  2. Nguyên tắc, nội dung, hình thức thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.  3. Xây dựng, tổ chức thực hiện quy chế dân chủ và tạo lập môi trường dân chủ trong nhà trường. | - Phân tích được các nội dung cơ bản về dân chủ trong nhà trường; nguyên tắc, nội dung, hình thức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Xây dựng, tổ chức thực hiện được quy chế dân chủ và tạo lập được môi trường dân chủ trong nhà trường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. | 8 | 12 |
| **QLPT 13** | **Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường**  1. Quy định chung về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.  2. Các nguy cơ tiềm ẩn về tình trạng mất an toàn và bạo lực học đường.  3. Xây dựng kế hoạch hành động, truyền thông về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường. | - Phân tích được quy định chung về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; các nguy cơ tiềm ẩn về tình trạng mất an toàn, bạo lực học đường; mục tiêu, nội dung, yêu cầu về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hành động và truyền thông về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường. | 16 | 24 |
| **4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội** | **QLPT 14** | **Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh**  1. Khái quát về phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động dạy học cho học sinh.  2. Các nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động dạy học để nâng cao kết quả học tập của học sinh.  3. Xây dựng kế hoạch hành động về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện hoạt động dạy học để nâng cao kết quả học tập của học sinh. | - Phân tích được mục đích, nội dung, phương pháp phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện hoạt động dạy học gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch hành động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện hoạt động dạy học để nâng cao kết quả học tập của học sinh;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện hoạt động dạy học để nâng cao kết quả học tập của học sinh. | 8 | 12 |
| **QLPT 15** | **Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh**  1. Khái quát về phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.  2. Các nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh để nâng cao kết quả giáo dục học sinh.  3. Xây dựng kế hoạch hành động về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. | - Phân tích được mục đích, nội dung, phương pháp phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch hành động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh để nâng cao kết quả giáo dục học sinh;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. | 8 | 12 |
| **QLPT 16** | **Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong huy động và sử dụng nguồn lực phát triển nhà trường**  1. Khái quát về phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường.  2. Các nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực để phát triển nhà trường.  3. Xây dựng kế hoạch hành động về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường. | - Phân tích được mục đích, nội dung, phương pháp phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong huy động và sử dụng nguồn lực phát triển nhà trường gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương;  - Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch hành động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển nhà trường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong huy động và sử dụng nguồn lực phát triển nhà trường. | 8 | 12 |
| **5. Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin** | **QLPT 17** | **Xây dựng môi trường sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường**  1. Yêu cầu sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường.  2. Xây dựng kế hoạch phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường.  3. Tạo lập môi trường phát triển năng lực ngoại ngữ trong nhà trường. | - Phân tích được các yêu cầu xây dựng môi trường sử dụng ngoại ngữ gắn với thực tiễn nhà trường, địa phương và tìm ra những nhân tố tích cực trong nhà trường về phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ;  - Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường; tạo lập được môi trường phát triển năng lực ngoại ngữ trong nhà trường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng môi trường sử dụng ngoại ngữ trong nhà trường. | 8 | 12 |
| **QLPT 18** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường**  1. Vai trò, tầm quan trọng và xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường.  2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường.  3. Tạo lập môi trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường. | - Phân tích được vai trò, tầm quan trọng và xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường;  - Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường; tạo lập được môi trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường;  - Tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp để tạo lập môi trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường. | 16 | 24 |

**PHỤ LỤC 4**

**Các mô đun bồi dưỡng**

**dành cho giáo viên các trường tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc**

***(Theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019***

***của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu bồi dưỡng theo Chuẩn** | **Mã mô đun** | **Tên và nội dung chính của mô đun** | **Yêu cầu cần đạt** |
|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** |
| **I. Phẩm chất nhà giáo** | **GVPT**  **01** | **Nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo trong bối cảnh hiện nay**  1. Phẩm chất đạo đức của nhà giáo trong bối cảnh hiện nay.  2. Các quy định về đạo đức nhà giáo.  3. Tự bồi dưỡng, rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo. | - Phân tích được thực trạng đạo đức của nhà giáo trong bối cảnh hiện nay (những bất cập, những bài học từ việc giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo, những tấm gương đạo đức nhà giáo tác động đến hoạt động giáo dục đạo đức và dạy học học sinh); Liên hệ với các cấp học;  - Vận dụng được các quy định về đạo đức nhà giáo để xây dựng và thực hiện kế hoạch tự bồi dưỡng, rèn luyện bản thân nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo;  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong việc rèn luyện phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo. |
| **GVPT**  **02** | **Xây dựng phong cách của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện nay**  1. Nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện nay.  2. Những yêu cầu về phong cách của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện nay; kỹ năng xử lý tình huống sư phạm.  3. Xây dựng và rèn luyện tác phong, hình thành phong cách nhà giáo. | - Phân tích được thực trạng và những yêu cầu về phong cách đối với giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông nói chung, đối với giáo viên từng cấp học nói riêng trong bối cảnh hiện nay;  - Vận dụng để thực hành, xử lý các tình huống ứng xử sư phạm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và đề xuất được giải pháp để rèn luyện tác phong, phong cách nhà giáo phù hợp với từng cấp học, vùng, miền (Các kỹ năng kiềm chế cảm xúc bản thân, kỹ năng giải quyết xung đột;...);  - Hỗ trợ được đồng nghiệp trong rèn luyện tác phong và hình thành phong cách nhà giáo. |
| **II. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ** | **GVPT**  **03** | **Phát triển chuyên môn của bản thân**  1. Tầm quan trọng của việc phát triển chuyên môn của bản thân.  2. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng để phát triển chuyên môn của bản thân.  3. Nội dung cập nhật yêu cầu đổi mới nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân đối với giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. | - Phân tích được tầm quan trọng của việc phát triển chuyên môn của bản thân đối với giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn cho bản thân đối với giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;  - Vận dụng được nội dung cập nhật yêu cầu đổi mới nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân trong hoạt động dạy học và giáo dục đối với giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, phù hợp với giáo viên từng cấp học, vùng, miền (Yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn; Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; Lựa chọn và sử dụng học liệu dạy học; Phát triển chuyên môn giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông thông qua kết nối, chia sẻ tri thức trong cộng đồng học tập;....);  - Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. |
| **GVPT**  **04** | **Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh**  1. Những vấn đề chung về dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Phát triển được chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | - Trình bày được một số vấn đề chung về dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông nói chung, phù hợp với đặc thù cấp học, vùng, miền;  - Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục và tổ chức dạy học, giáo dục đáp ứng yêu cầu chương trình môn học, hoạt động giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông, phù hợp với đặc thù cấp học, vùng, miền;  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng, điều chỉnh và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. |
| **GVPT**  **05** | **Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh**  1. Những vấn đề chung về phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.  2. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.  3. Vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. | - Phân tích được những vấn đề chung về phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông, phù hợp với từng cấp học;  - Vận dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục để tổ chức dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh phù hợp với từng cấp học (Dạy học tích hợp; Dạy học phân hóa; Tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; Giải pháp sư phạm trong công tác giáo dục học sinh của giáo viên chủ nhiệm; Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực;...);  - Hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **GVPT**  **06** | **Kiểm tra, đánh giá học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh**  1. Những vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Phương pháp, hình thức, công cụ kiểm tra, đánh giá phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Vận dụng phương pháp, hình thức, công cụ trong việc kiểm tra, đánh giá phát triển phẩm chất, năng lực học sinh cơ sở giáo dục phổ thông. | - Trình bày được các vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá; phương pháp, hình thức và kỹ thuật kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông, phù hợp với từng cấp học;  - Vận dụng các phương pháp, hình thức và công cụ kiểm tra, đánh giá; phương thức xây dựng các tiêu chí, ma trận, các câu hỏi đánh giá năng lực học sinh, đề kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, sự tiến bộ của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Hỗ trợ đồng nghiệp triển khai hiệu quả việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. |
| **GVPT**  **07** | **Tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục**  1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi của từng đối tượng học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Quy định và phương pháp tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Vận dụng một số hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông trong hoạt động dạy học và giáo dục. | - Phân tích được các đặc điểm tâm lý của các đối tượng học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông (chú trọng việc phân tích được tâm sinh lý của học sinh đầu cấp và cuối cấp đối với học sinh tiểu học, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn...);  - Vận dụng các quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh để thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Vận dụng được một số hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông trong hoạt động dạy học và giáo dục: Tạo động lực học tập; tổ chức hoạt động trải nghiệm (đối với học sinh tiểu học); tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (đối với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông); Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống; Hỗ trợ tâm lý cho học sinh đầu cấp, cuối cấp (đối với học sinh tiểu học);...  - Hỗ trợ đồng nghiệp triển khai hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **III. Xây dựng môi trường giáo dục** | **GVPT**  **08** | **Xây dựng văn hóa nhà trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Sự cần thiết của việc xây dựng văn hóa nhà trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Các giá trị cốt lõi và cách thức phát triển văn hóa nhà trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Một số biện pháp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | - Phân tích được sự cần thiết, giá trị cốt lõi (văn hóa ứng xử trong lớp học, trong nhà trường;...); Cách thức xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Vận dụng được một số biện pháp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường; Vận dụng một số biện pháp xây dựng và phát triển mối quan hệ thân thiện của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Tạo dựng bầu không khí thân thiện với đồng nghiệp trong thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Giáo dục về bảo tồn và phát huy văn hóa thể hiện được bản sắc vùng miền, dân tộc;...  - Hỗ trợ đồng nghiệp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **GVPT**  **09** | **Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Một số vấn đề khái quát về quyền dân chủ trong trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Biện pháp thực hiện quyền dân chủ của giáo viên và học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Biện pháp thực hiện quyền dân chủ của cha mẹ học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | - Trình bày được một số vấn đề khái quát về quyền dân chủ trong các cơ sở giáo dục phổ thông (Khái niệm, vai trò, quy định,...); Một số biện pháp thực hiện quyền dân chủ của giáo viên và học sinh, cha mẹ học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Vận dụng được một số biện pháp thực hiện, phát huy quyền dân chủ của học sinh, cha mẹ học sinh và giáo viên;  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thực hiện và phát huy quyền dân chủ của học sinh, cha mẹ học sinh và giáo viên. |
| **GVPT**  **10** | **Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Vấn đề an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông hiện nay.  2. Quy định và biện pháp xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Một số biện pháp tăng cường đảm bảo trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện nay. | - Phân tích được thực trạng vấn đề an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện nay;  - Vận dụng được các quy định và các biện pháp (trong đó chú trọng vận dụng được các biện pháp quản lý lớp học hiệu quả, giáo dục kỷ luật tích cực, giáo dục phòng chống rủi ro, thương tích, xâm hại cho học sinh trong cơ sở giáo dục phổ thông;...) để xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường;  - Hỗ trợ đồng nghiệp xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **IV. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | **GVPT**  **11** | **Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh và các bên liên quan trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Vai trò của việc tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ của học sinh và các bên liên quan.  2. Quy định về mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh và các bên liên quan.  3. Biện pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với cha mẹ của học sinh và các bên liên quan. | - Phân tích được vai trò của việc tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh và các bên liên quan trong các cơ sở giáo dục phổ thông, phù hợp với đặc thù cấp học;  - Vận dụng được các quy định hiện hành và các biện pháp để tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh và các bên liên quan trong các cơ sở giáo dục phổ thông, phù hợp với đặc thù cấp học;  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng các biện pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các bên liên quan trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **GVPT**  **12** | **Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Sự cần thiết của việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động dạy học trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Quy định của ngành về việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động dạy học trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Biện pháp tăng cường hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động dạy học trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | - Phân tích được sự cần thiết của việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động dạy học học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Trình bày và vận dụng được quy định của ngành về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động dạy học học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Vận dụng được các kỹ năng cung cấp, tiếp nhận, giải quyết kịp thời các thông tin từ gia đình về tình hình học tập và rèn luyện của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông để xây dựng và thực hiện các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ, động viên học sinh học tập và thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thực hiện hiệu quả kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động dạy học trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **GVPT**  **13** | **Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Sự cần thiết của việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường; quy định tiếp nhận thông tin từ các bên liên quan về đạo đức, lối sống của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Một số kỹ năng tăng cường hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | - Trình bày được quy định của ngành về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Vận dụng được các quy định, quy tắc văn hóa ứng xử và kỹ năng để giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi và thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thực hiện hiệu quả kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **V. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục** | **GVPT**  **14** | **Nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Tầm quan trọng của việc sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông hiện nay.  2. Tài nguyên học ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Phương pháp tự học và lựa chọn tài nguyên học ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc để nâng cao hiệu quả sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | - Phân tích được tầm quan trọng của việc sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông hiện nay;  - Lựa chọn được tài nguyên và vận dụng được phương pháp tự học ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc để nâng cao hiệu quả sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Hỗ trợ đồng nghiệp trong việc lựa chọn tài nguyên và vận dụng được phương pháp tự học ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc để nâng cao hiệu quả sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc đối với giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |
| **GVPT**  **15** | **Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông**  1. Vai trò của công nghệ thông tin, học liệu số và thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  2. Các phần mềm và thiết bị công nghệ hỗ trợ hoạt động dạy học và giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.  3. Ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu số và thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | - Trình bày được vai trò của công nghệ thông tin, học liệu số và thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông;  - Vận dụng các phần mềm, học liệu số và thiết bị công nghệ (internet; trường học kết nối; hệ thống quản lý học tập trực tuyến: LMS, TEMIS...) để thiết kế kế hoạch bài học, kế hoạch giáo dục và quản lý học sinh ở trường trong các cơ sở giáo dục phổ thông; trong hoạt động tự học, tự bồi dưỡng;  - Hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục và quản lý học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. |